

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP  
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP ĐỢT 4 - NĂM 2023- NHÓM NGÀNH Y - DƯỢC  
KHÓA 15 - HỆ VB2**

(Có bất kì thắc mắc vui lòng điền đầy đủ thông tin qua đường link bên dưới.  
Bộ phận phụ trách sẽ giải quyết phản hồi các trường hợp thắc mắc. Xin cảm ơn!)

| STT | Mã số học sinh | Họ và tên            | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh       | Mã lớp   | Ngành học    | Niên khóa | Điểm tốt nghiệp |              | Xếp loại tốt nghiệp | ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP | Tiếng anh | Tin học | CDR Ngành/ Ngăn hạn | ĐIỀU KIỆN NHẬN BẢNG TỐT NGHIỆP |
|-----|----------------|----------------------|------------|-----------|----------------|----------|--------------|-----------|-----------------|--------------|---------------------|--------------------------|-----------|---------|---------------------|--------------------------------|
|     |                |                      |            |           |                |          |              |           | Thang điểm 10   | Thang điểm 4 |                     |                          |           |         |                     |                                |
| 1   | 1223180019     | Lê Vũ Bảo            | 10/06/1976 | Nam       | Bình Dương     | 01YS15A1 | Y sỹ đa khoa | 2022-2024 | 7,9             | 3,22         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 2   | 1223180013     | La Mộng Diệp         | 14/05/1990 | Nữ        | Tp.Hcm         | 01YS15A1 | Y sỹ đa khoa | 2022-2024 | 7,9             | 3,21         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 3   | 1223240034     | Đinh Thị Yến         | 16/06/1995 | Nữ        | Tây Ninh       | 01YS15A1 | Y sỹ đa khoa | 2022-2024 | 8,6             | 3,61         | Xuất sắc            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 4   | 1223180021     | Phạm Đông Dương      | 27/05/1996 | Nam       | Long An        | 01YS15A1 | Y sỹ đa khoa | 2022-2024 | 8,4             | 3,45         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 5   | 1223180023     | Trần Thị Nhất Hạnh   | 11/07/1993 | Nữ        | Tây Ninh       | 01YS15A1 | Y sỹ đa khoa | 2022-2024 | 8,0             | 3,18         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 6   | 1223180016     | Phan Xuân Niềm       | 20/09/1995 | Nam       | Tây Ninh       | 01YS15A1 | Y sỹ đa khoa | 2022-2024 | 9,0             | 3,83         | Xuất sắc            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 7   | 1223360018     | Đinh Hải Duy         | 10/08/1997 | Nam       | Tây Ninh       | 01YS15C1 | Y sỹ đa khoa | 2022-2024 | 8,5             | 3,52         | Xuất sắc            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 8   | 2223240006     | Nguyễn Trần Hiếu Anh | 28/03/1993 | Nam       | Tp.Hồ Chí Minh | 02DS15B1 | Dược         | 2022-2024 | 7,5             | 2,74         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 9   | 2223180004     | Võ Thị Ngọc Ánh      | 16/01/1998 | Nữ        | Đồng Nai       | 02DS15B1 | Dược         | 2022-2024 | 7,1             | 2,54         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 10  | 2223180010     | Lê Võ Thái Châu      | 15/11/1976 | Nữ        | Tp.Hồ Chí Minh | 02DS15B1 | Dược         | 2022-2024 | 8,0             | 3,23         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 11  | 2223180016     | Lương Thị Kim Chi    | 30/09/1979 | Nữ        | Bến Tre        | 02DS15B1 | Dược         | 2022-2024 | 8,7             | 3,65         | Xuất sắc            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 12  | 2223240025     | Cao Minh Diên        | 26/07/2000 | Nam       | Tây Ninh       | 02DS15B1 | Dược         | 2022-2024 | 7,3             | 2,83         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 13  | 2223180008     | Phạm Thị Xuân Diệu   | 30/06/1980 | Nữ        | Long An        | 02DS15B1 | Dược         | 2022-2024 | 8,0             | 3,14         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 14  | 2223240011     | Nguyễn Thị Huệ       | 14/02/1985 | Nữ        | Đồng Nai       | 02DS15B1 | Dược         | 2022-2024 | 7,5             | 2,66         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 15  | 2223180021     | Huỳnh Thị Diễm Kiều  | 26/10/1993 | Nữ        | Đồng Tháp      | 02DS15B1 | Dược         | 2022-2024 | 7,6             | 2,97         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 16  | 2223180044     | Phạm Thị Thùy Linh   | 27/06/1985 | Nữ        | Long An        | 02DS15B1 | Dược         | 2022-2024 | 7,6             | 2,94         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 17  | 2223180046     | Lê Thị Mỹ Linh       | 24/08/1985 | Nữ        | Bến Tre        | 02DS15B1 | Dược         | 2022-2024 | 8,7             | 3,77         | Xuất sắc            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 18  | 2223180031     | Phan Thị Phụng       | 30/10/1995 | Nữ        | Bến Tre        | 02DS15B1 | Dược         | 2022-2024 | 8,5             | 3,37         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |

| STT | Mã số học sinh | Họ và tên         | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh  | Mã lớp   | Ngành học | Niên khóa | Điểm tốt nghiệp |              | Xếp loại tốt nghiệp | ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP | Tiếng anh | Tin học | CDR Ngành/ Ngăn hạn | ĐIỀU KIỆN NHẬN BẢNG TỐT NGHIỆP |
|-----|----------------|-------------------|------------|-----------|-----------|----------|-----------|-----------|-----------------|--------------|---------------------|--------------------------|-----------|---------|---------------------|--------------------------------|
|     |                |                   |            |           |           |          |           |           | Thang điểm 10   | Thang điểm 4 |                     |                          |           |         |                     |                                |
| 19  | 2223180055     | Nguyễn Mai Thanh  | 27/02/1994 | Nữ        | Đồng Nai  | 02DS15B1 | Dược      | 2022-2024 | 8,8             | 3,85         | Xuất sắc            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 20  | 2223180058     | Nguyễn Minh Thức  | 25/11/1985 | Nam       | Bình Định | 02DS15B1 | Dược      | 2022-2024 | 7,7             | 3,06         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 21  | 2223180053     | Nguyễn Đình Tiến  | 05/05/1990 | Nam       | Bình Định | 02DS15B1 | Dược      | 2022-2024 | 7,6             | 2,73         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 22  | 2223180037     | Phạm Thị Hồng Yến | 15/01/1988 | Nữ        | Đồng Tháp | 02DS15B1 | Dược      | 2022-2024 | 7,7             | 3,00         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |

Danh sách có: 22 học sinh.

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP  
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP ĐỢT 4 - NĂM 2023- NHÓM NGÀNH Y - DƯỢC**

(Có bất kì thắc mắc vui lòng điền đầy đủ thông tin qua đường link bên dưới.  
Bộ phận phụ trách sẽ giải quyết phản hồi các trường hợp thắc mắc. Xin cảm ơn!)

| STT | Mã số học sinh | Họ và tên        |       | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh        | Mã lớp   | Ngành học  | Niên khóa | Điểm tốt nghiệp |              | Xếp loại tốt nghiệp | ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP | Tiếng anh | Tin học  | CĐR Ngành/ Ngắn hạn | ĐIỀU KIỆN NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP |
|-----|----------------|------------------|-------|------------|-----------|-----------------|----------|------------|-----------|-----------------|--------------|---------------------|--------------------------|-----------|----------|---------------------|--------------------------------|
|     |                |                  |       |            |           |                 |          |            |           | Thang điểm 10   | Thang điểm 4 |                     |                          |           |          |                     |                                |
| 1   | 2203360040     | Nguyễn Trần Ngọc | Ánh   | 28/12/2001 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02DD14D1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 7,1             | 2,69         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 2   | 2193240217     | Bùi Chí          | Bảo   | 10/03/2001 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh | 02DD12A1 | Điều dưỡng | 2019-2021 | 6,6             | 2,38         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 3   | 2213360332     | Cao Thị          | Dung  | 05/09/1996 | Nữ        | Hà Tĩnh         | 02DD14D1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 7,4             | 2,99         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | KHÔNG ĐẠT | ĐẠT      | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 4   | 1203360026     | Đậu Thị          | Duyên | 24/04/2005 | Nữ        | Bình Phước      | 02DD13C1 | Điều dưỡng | 2020-2023 | 6,5             | 2,37         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 5   | 1213360146     | Nguyễn Ánh Ngọc  | Hân   | 07/08/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 6,9             | 2,58         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | Chưa thi  | Chưa thi | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 6   | 1213360064     | Nguyễn Thị Kim   | Hằng  | 07/09/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 6,7             | 2,49         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 7   | 2213360059     | Phạm Thị         | Huệ   | 24/04/2003 | Nữ        | Nghệ An         | 02DD14D1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 7,8             | 3,27         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 8   | 2213240184     | Nguyễn Quốc      | Hung  | 30/01/2002 | Nam       | Kiên Giang      | 02DD14B1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 7,5             | 2,95         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 9   | 2213360258     | Phạm Nguyễn Gia  | Hung  | 28/08/2005 | Nam       | Bến Tre         | 02DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 6,6             | 2,47         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | Chưa thi  | Chưa thi | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 10  | 1213360087     | Nguyễn Lê Quỳnh  | Hương | 26/06/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 7,2             | 2,73         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 11  | 2193360010     | Nguyễn Minh      | Kha   | 27/04/1999 | Nam       | Trà Vinh        | 02DD12C1 | Điều dưỡng | 2019-2022 | 6,0             | 2,03         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 12  | 2213360156     | Mai Ngọc Thục    | Khuê  | 25/02/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 8,4             | 3,50         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | Chưa thi | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 13  | 1213360018     | Trần Ngọc Hà     | Linh  | 08/11/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 6,5             | 2,29         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | Chưa thi  | ĐẠT      | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 14  | 2203360123     | Lê Ngô Thảo      | Ly    | 14/01/2004 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02DD13C1 | Điều dưỡng | 2020-2023 | 6,4             | 2,27         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 15  | 2193240290     | Võ Thụy Xuân     | Mai   | 26/03/1995 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02DD12A1 | Điều dưỡng | 2019-2021 | 5,9             | 2,01         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 16  | 1213240039     | Mai Thị          | Mai   | 16/05/2003 | Nữ        | Long An         | 01DD14A1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 6,0             | 2,11         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 17  | 2213360135     | Trương Thị Ngọc  | Mai   | 30/11/2006 | Nữ        | Thanh Hóa       | 02DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 5,9             | 2,00         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | Chưa thi  | Chưa thi | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |

| STT | Mã số học sinh | Họ và tên                | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh        | Mã lớp   | Ngành học  | Niên khóa | Điểm tốt nghiệp |              | Xếp loại tốt nghiệp | ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP | Tiếng anh | Tin học  | CĐR Ngành/ Ngắn hạn | ĐIỀU KIỆN NHẬN BẢNG TỐT NGHIỆP |
|-----|----------------|--------------------------|------------|-----------|-----------------|----------|------------|-----------|-----------------|--------------|---------------------|--------------------------|-----------|----------|---------------------|--------------------------------|
|     |                |                          |            |           |                 |          |            |           | Thang điểm 10   | Thang điểm 4 |                     |                          |           |          |                     |                                |
| 18  | 1213360102     | Nguyễn Thụy Trà My       | 16/08/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 6,5             | 2,24         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | Chưa thi | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 19  | 2203360081     | Hồ Ngọc Bảo Ngân         | 14/10/2005 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02DD13C1 | Điều dưỡng | 2020-2023 | 6,9             | 2,63         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 20  | 1213360030     | Dương YẾN Nhi            | 14/10/2006 | Nữ        | An Giang        | 01DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 7,0             | 2,67         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | Chưa thi  | Chưa thi | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 21  | 1203360100     | Nguyễn Quỳnh Như         | 01/11/2005 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01DD13C1 | Điều dưỡng | 2020-2023 | 6,0             | 2,08         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 22  | 1213360024     | Trần Quỳnh Như           | 24/04/2002 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 6,6             | 2,36         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | Chưa thi  | Chưa thi | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 23  | 2213240204     | Văn Thị Cẩm Nhung        | 10/03/1993 | Nữ        | Bình Định       | 02DD14D1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 7,3             | 2,90         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 24  | 2213360070     | Hà Đặng An Phúc          | 07/11/2005 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh | 02DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 7,5             | 3,02         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 25  | 1203360099     | Nguyễn Như Quỳnh         | 01/11/2005 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01DD13C1 | Điều dưỡng | 2020-2023 | 6,1             | 2,12         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 26  | 2213240110     | Trần Thị Diễm Quỳnh      | 03/10/2002 | Nữ        | Đắk Lắk         | 02DD14B1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 7,5             | 2,91         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 27  | 2213360060     | Trịnh Thanh Thanh        | 12/10/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 6,9             | 2,55         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 28  | 1213360153     | Võ Trí Thức              | 06/09/2005 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh | 01DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 6,2             | 2,04         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | Chưa thi  | Chưa thi | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 29  | 1213360106     | Phan Nguyễn Nhã Thy      | 30/04/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 7,1             | 2,74         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 30  | 1213360111     | Trần Nguyễn Mai Trâm     | 27/04/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 6,5             | 2,40         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 31  | 1213360048     | Đỗ Thị Bích Trâm         | 29/09/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 6,8             | 2,59         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 32  | 2203360124     | Lê Thị Phương Trúc       | 29/12/2005 | Nữ        | Vĩnh Long       | 02DD13C1 | Điều dưỡng | 2020-2023 | 6,4             | 2,26         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | KHÔNG ĐẠT           | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 33  | 1213360084     | Trương Nguyễn Ngọc Tuyền | 04/06/2006 | Nữ        | Đồng Nai        | 01DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 5,9             | 2,02         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | Chưa thi | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 34  | 1213360023     | Phạm Nguyễn Văn Tuyền    | 19/11/2002 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 6,8             | 2,49         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 35  | 2213240194     | Trần Thị Lam Tuyền       | 10/05/2003 | Nữ        | Long An         | 02DD14A1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 6,5             | 2,41         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 36  | 2213360234     | Ngô Thanh Vân            | 01/02/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02DD14C1 | Điều dưỡng | 2021-2023 | 7,2             | 2,80         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 37  | 1203360092     | Nguyễn Thị Tường Vy      | 26/09/2005 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01DD13C1 | Điều dưỡng | 2020-2023 | 6,2             | 2,12         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |

| STT | Mã số học sinh | Họ và tên            | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh          | Mã lớp   | Ngành học    | Niên khóa | Điểm tốt nghiệp |              | Xếp loại tốt nghiệp | ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP | Tiếng anh | Tin học   | CĐR Ngành/ Ngắn hạn | ĐIỀU KIỆN NHẬN BẢNG TỐT NGHIỆP |
|-----|----------------|----------------------|------------|-----------|-------------------|----------|--------------|-----------|-----------------|--------------|---------------------|--------------------------|-----------|-----------|---------------------|--------------------------------|
|     |                |                      |            |           |                   |          |              |           | Thang điểm 10   | Thang điểm 4 |                     |                          |           |           |                     |                                |
| 38  | 2213360324     | Trần Thị Cẩm Xuyên   | 19/07/1996 | Nữ        | Tiền Giang        | 02DD14D1 | Điều dưỡng   | 2021-2023 | 7,0             | 2,73         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | KHÔNG ĐẠT | ĐẠT       | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 39  | 1203360041     | Phan Thị Xuân Yến    | 03/06/2005 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh   | 01DD13C1 | Điều dưỡng   | 2020-2023 | 6,5             | 2,29         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 40  | 1213240031     | Lê Trần Hoài Anh     | 14/07/1989 | Nam       | Tây Ninh          | 01YS14B1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 8,0             | 3,25         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 41  | 1213360127     | Nguyễn Thị Hà Anh    | 19/03/2006 | Nữ        | Kiên Giang        | 01YS14C1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 7,6             | 3,02         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | KHÔNG ĐẠT | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 42  | 2213360089     | Nguyễn Thị Kim Anh   | 02/01/1989 | Nữ        | Tiền Giang        | 02YS14D1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 7,7             | 3,09         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 43  | 2213240068     | Trương Thị Ngọc Ánh  | 29/10/2000 | Nữ        | Khánh Hòa         | 02YS14B1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 6,6             | 2,47         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 44  | 2203240146     | Huỳnh Thị Ngọc Bích  | 15/11/1988 | Nữ        | Long An           | 02YS14B1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 8,0             | 3,28         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | Chưa thi  | Chưa thi  | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 45  | 2213360174     | Phan Thiện Bửu       | 13/06/1989 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh   | 02YS14D1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 6,6             | 2,35         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 46  | 2213240192     | Trần Thị Kim Cương   | 20/08/2003 | Nữ        | Bình Định         | 02YS14A1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 8,5             | 3,60         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 47  | 2203240185     | Ngô Thị Thu Dung     | 16/01/2001 | Nữ        | Bà Rịa - Vũng Tàu | 02YS13A1 | Y sỹ         | 2020-2022 | 6,6             | 2,47         | Trung Bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 48  | 2213180032     | Nguyễn Thị Thùy Dung | 03/04/1993 | Nữ        | Hà Tĩnh           | 02YS14B1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 7,1             | 2,78         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | Chưa thi  | Chưa thi  | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 49  | 2213360269     | Y Mut Êban           | 04/06/1991 | Nam       | Đắk Lắk           | 02YS14D1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 6,9             | 2,57         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 50  | 217180062      | Ngô Thị Cẩm Giang    | 05/02/1995 | Nữ        | Bà Rịa - Vũng Tàu | 02YS10A1 | Y sỹ         | 2017-2019 | 7,0             | 2,76         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 51  | 2213360303     | Cao Thanh Hải        | 03/07/1990 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh   | 02YS14D1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 6,9             | 2,65         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 52  | 2203360219     | Trương Gia Hân       | 12/09/2005 | Nữ        | Bình Dương        | 02YS13C1 | Y sỹ         | 2020-2023 | 7,0             | 2,68         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 53  | 2213240028     | Trần Phúc Hậu        | 13/02/1996 | Nam       | Tiền Giang        | 02YS14B1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 8,2             | 3,44         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 54  | 2213240062     | Trần Văn Hậu         | 26/06/2001 | Nam       | Tiền Giang        | 02YS14B1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 7,6             | 3,05         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 55  | 2213240125     | Nguyễn Thảo Hiền     | 13/01/2003 | Nam       | Tây Ninh          | 02YS14A1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 8,2             | 3,41         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 56  | 2203360136     | Lý Phát Hưng         | 28/08/1984 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh   | 02YS14D1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 6,6             | 2,47         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 57  | 2213240148     | Đặng Tiến Khoa       | 09/02/2003 | Nam       | Bình Định         | 02YS14A1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 7,7             | 3,13         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |

| STT | Mã số học sinh | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh        | Mã lớp   | Ngành học    | Niên khóa | Điểm tốt nghiệp |              | Xếp loại tốt nghiệp | ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP | Tiếng anh | Tin học   | CĐR Ngành/ Ngắn hạn | ĐIỀU KIỆN NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP |
|-----|----------------|-----------------------|------------|-----------|-----------------|----------|--------------|-----------|-----------------|--------------|---------------------|--------------------------|-----------|-----------|---------------------|--------------------------------|
|     |                |                       |            |           |                 |          |              |           | Thang điểm 10   | Thang điểm 4 |                     |                          |           |           |                     |                                |
| 58  | 2203180107     | Nguyễn Thị Mỹ Linh    | 02/03/1982 | Nữ        | Quảng Nam       | 02YS13B2 | Y sỹ         | 2020-2022 | 7,3             | 2,87         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | Chưa thi  | Chưa thi  | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 59  | 2213180033     | Phạm Thị Thùy Linh    | 05/04/1980 | Nữ        | Đồng Nai        | 02YS14B1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 6,7             | 2,43         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | Chưa thi  | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 60  | 2213240186     | Đỗ Tiến Lực           | 27/09/2003 | Nam       | Lâm Đồng        | 02YS14A1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 7,7             | 3,09         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 61  | 2203240177     | Nguyễn Duy Minh       | 08/10/2002 | Nam       | Bình Định       | 02YS13A1 | Y sỹ         | 2020-2022 | 7,1             | 2,77         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 62  | 2213240089     | Nguyễn Thị Thu Ngân   | 07/11/2002 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02YS14A1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 7,0             | 2,69         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | Chưa thi  | Chưa thi  | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 63  | 1213360081     | Đặng Khánh Như        | 27/08/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01YS14C1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 7,5             | 2,98         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | KHÔNG ĐẠT | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 64  | 1203360181     | Huỳnh Thị Khánh Nhung | 16/08/1992 | Nữ        | Long An         | 01YS14D1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 8,4             | 3,54         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 65  | 2213360039     | Trần Minh Quân        | 21/10/2005 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh | 02YS14C1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 7,0             | 2,71         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 66  | 1213180015     | Trần Thị Thu Quyên    | 20/11/1986 | Nữ        | Tây Ninh        | 01YS14B1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 8,0             | 3,31         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 67  | 2213240190     | Nay Suna              | 24/05/1993 | Nữ        | Gia Lai         | 02YS14B1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 7,6             | 3,06         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 68  | 2203240116     | Ngô Ngọc Thắng        | 25/02/1999 | Nam       | Đắk Lắk         | 02YS13A1 | Y sỹ         | 2020-2022 | 7,4             | 2,92         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | KHÔNG ĐẠT | ĐẠT       | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 69  | 2213180017     | Nguyễn Thị Ngọc Thanh | 23/10/1980 | Nữ        | Long An         | 02YS14B1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 7,1             | 2,68         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | Chưa thi  | ĐẠT       | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 70  | 2213360327     | Võ Duy Thoại          | 22/06/1995 | Nam       | Bình Định       | 02YS14D1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 6,9             | 2,61         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | Chưa thi  | ĐẠT       | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 71  | 2213180013     | Nguyễn Văn Thuận      | 20/06/1997 | Nam       | Bình Định       | 02YS14B1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 7,3             | 2,88         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 72  | 2213360057     | Lê Thị Thuỷ           | 10/10/1999 | Nữ        | Đắk Lắk         | 02YS14D1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 8,0             | 3,20         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 73  | 1193240073     | Nguyễn Phạm Thùy Tiên | 22/10/2001 | Nữ        | Tây Ninh        | 02YS12A1 | Y sỹ         | 2019-2021 | 6,6             | 2,44         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 74  | 2213240187     | Đỗ Thị Mỹ Tiên        | 08/04/2003 | Nữ        | Long An         | 02YS14A1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 7,7             | 3,09         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 75  | 2213240170     | Trần Thị Kim Tiến     | 28/08/2003 | Nữ        | Bình Định       | 02YS14A1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 7,5             | 3,09         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 76  | 2203240230     | Đỗ Thị Trang          | 03/09/2002 | Nữ        | Gia Lai         | 02YS13A2 | Y sỹ         | 2020-2022 | 6,1             | 2,10         | Trung Bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | KHÔNG ĐẠT | ĐẠT       | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 77  | 2213240123     | Đặng Thị Huyền Trang  | 23/04/2003 | Nữ        | Bình Phước      | 02YS14A1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 7,7             | 3,12         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT       | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |

| STT | Mã số học sinh | Họ và tên          | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh          | Mã lớp   | Ngành học    | Niên khóa | Điểm tốt nghiệp |              | Xếp loại tốt nghiệp | ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP | Tiếng anh | Tin học  | CĐR Ngành/ Ngắn hạn | ĐIỀU KIỆN NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP |
|-----|----------------|--------------------|------------|-----------|-------------------|----------|--------------|-----------|-----------------|--------------|---------------------|--------------------------|-----------|----------|---------------------|--------------------------------|
|     |                |                    |            |           |                   |          |              |           | Thang điểm 10   | Thang điểm 4 |                     |                          |           |          |                     |                                |
| 78  | 1213360122     | Trần Quốc Vũ       | 10/02/1982 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh   | 01YS14D1 | Y sỹ đa khoa | 2021-2023 | 8,2             | 3,35         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 79  | 1213240054     | Trần Văn An        | 08/01/2003 | Nam       | Tây Ninh          | 01DS14A1 | Dược         | 2021-2023 | 8,2             | 3,42         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 80  | 2213180023     | Ngô Hồng Ngọc      | 26/05/1997 | Nữ        | Tiền Giang        | 02DS14B1 | Dược         | 2021-2023 | 7,5             | 2,99         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 81  | 2213360232     | Lê Thúy Diệu       | 08/09/2006 | Nữ        | Nghệ An           | 02DS14C1 | Dược         | 2021-2023 | 7,8             | 3,19         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 82  | 2213240191     | Nghiêm Bảo Duy     | 30/08/1991 | Nam       | An Giang          | 02DS14B1 | Dược         | 2021-2023 | 8,9             | 3,76         | Xuất sắc            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 83  | 2213360046     | Trần Tấn Hào       | 08/04/2000 | Nam       | Sóc Trăng         | 02DS14D1 | Dược         | 2021-2023 | 7,6             | 3,10         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 84  | 2213240198     | Lê Thái Hòa        | 22/02/1996 | Nam       | Đắk Lắk           | 02DS14B1 | Dược         | 2021-2023 | 7,9             | 3,19         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 85  | 2213360157     | Trần Thị Thu Hoài  | 26/07/1993 | Nữ        | Nghệ An           | 02DS14C1 | Dược         | 2021-2023 | 6,9             | 2,68         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 86  | 1832420473     | Nguyễn Thị Hồng    | 11/08/1991 | Nữ        | Bà Rịa - Vũng Tàu | 02DS12B1 | Dược         | 2019-2021 | 7,1             | 2,75         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 87  | 2203360027     | Đặng Thị Huyền     | 29/10/1995 | Nữ        | Đồng Nai          | 02DS14C1 | Dược         | 2021-2023 | 8,7             | 3,64         | Xuất sắc            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 88  | 1213360013     | Đinh Thị Thiên Kim | 23/05/1994 | Nữ        | Long An           | 01DS14D1 | Dược         | 2021-2023 | 8,2             | 3,42         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 89  | 2203360142     | Kiều Thùy Linh     | 30/04/2005 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh   | 02DS13C1 | Dược         | 2020-2023 | 6,7             | 2,58         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 90  | 2203360191     | Lê Thị Ngọc Linh   | 09/08/2005 | Nữ        | Long An           | 02DS13C2 | Dược         | 2020-2023 | 6,7             | 2,45         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | Chưa thi | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 91  | 1203360161     | Phan Tấn Lộc       | 10/05/2005 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh   | 01DS13C1 | Dược         | 2020-2023 | 6,8             | 2,59         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 92  | 2193180010     | Trịnh Văn Luân     | 27/10/1986 | Nam       | Quảng Ninh        | 02DS12A1 | Dược         | 2019-2021 | 7,1             | 2,76         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 93  | 1203360171     | Nguyễn Hoàng Yến   | 19/12/2004 | Nữ        | Bình Dương        | 02DS13C2 | Dược         | 2020-2023 | 6,9             | 2,58         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 94  | 2213240164     | Trịnh Thị Như      | 23/8/1996  | Nữ        | Đắk Lắk           | 02DS14A1 | Dược         | 2021-2023 | 8,4             | 3,57         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 95  | 2213180038     | Tạ Tiến Phát       | 29/06/1993 | Nam       | Tây Ninh          | 02DS14B1 | Dược         | 2021-2023 | 7,4             | 2,94         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 96  | 2213180066     | Trần Đức Phúc      | 09/10/1972 | Nữ        | Bến Tre           | 02DS14B1 | Dược         | 2021-2023 | 7,8             | 3,27         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 97  | 1213360062     | Nguyễn Thanh Tú    | 15/10/2006 | Nữ        | Đồng Tháp         | 01DS14C1 | Dược         | 2021-2023 | 8,3             | 3,44         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |

| STT | Mã số học sinh | Họ và tên           | Ngày sinh | Giới tính  | Nơi sinh | Mã lớp          | Ngành học | Niên khóa | Điểm tốt nghiệp |              | Xếp loại tốt nghiệp | ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP | Tiếng anh    | Tin học  | CĐR Ngành/ Ngắn hạn | ĐIỀU KIỆN NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP |                    |
|-----|----------------|---------------------|-----------|------------|----------|-----------------|-----------|-----------|-----------------|--------------|---------------------|--------------------------|--------------|----------|---------------------|--------------------------------|--------------------|
|     |                |                     |           |            |          |                 |           |           | Thang điểm 10   | Thang điểm 4 |                     |                          |              |          |                     |                                |                    |
| 98  | 1213360108     | Nguyễn Đoàn Hòa     | Thịnh     | 14/09/2006 | Nam      | Tp. Hồ Chí Minh | 01DS14C1  | Dược      | 2021-2023       | 6,1          | 2,17                | Trung bình               | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | Chưa thi | Chưa thi            | ĐẠT                            | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN |
| 99  | 2213360178     | Lê Thị              | Thương    | 10/12/1998 | Nữ       | Đắk Lắk         | 02DS14C1  | Dược      | 2021-2023       | 7,7          | 3,11                | Khá                      | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐẠT                            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 100 | 2203360165     | Lê Thanh            | Thúy      | 19/04/2005 | Nữ       | Bình Dương      | 02DS13C2  | Dược      | 2020-2023       | 7,6          | 3,03                | Khá                      | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐẠT                            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 101 | 1213180024     | Nguyễn Thị Mai      | Trâm      | 10/02/1986 | Nữ       | Quảng Ngãi      | 01DS14A1  | Dược      | 2021-2023       | 7,3          | 2,87                | Khá                      | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐẠT                            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 102 | 2213360105     | Nguyễn Nguyễn Tuấn  | Tú        | 29/08/2006 | Nam      | Hải Phòng       | 02DS14C1  | Dược      | 2021-2023       | 6,5          | 2,41                | Trung bình               | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐẠT                            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 103 | 2213240195     | Chiêm Thanh         | Tuyền     | 03/03/1997 | Nữ       | Tp. Hồ Chí Minh | 02DS14A1  | Dược      | 2021-2023       | 8,0          | 3,28                | Giỏi                     | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐẠT                            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 104 | 2203360115     | Trần Võ Hạnh        | Vân       | 23/10/2005 | Nữ       | Tp. Hồ Chí Minh | 02DS13C1  | Dược      | 2020-2023       | 7,5          | 2,96                | Khá                      | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐẠT                            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 105 | 2213360054     | Nguyễn Hải          | Vân       | 31/10/2003 | Nữ       | Bạc Liêu        | 02DS14C1  | Dược      | 2021-2023       | 8,3          | 3,47                | Giỏi                     | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐẠT                            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 106 | 1213240051     | Trần Thị Hoàng Thúy | Vy        | 02/09/2003 | Nữ       | Tp. Hồ Chí Minh | 01DS14A1  | Dược      | 2021-2023       | 7,6          | 3,03                | Khá                      | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐẠT                            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 107 | 1213360039     | Từ Anh Mỹ           | Ý         | 29/04/2006 | Nữ       | Tiền Giang      | 01DS14C1  | Dược      | 2021-2023       | 8,2          | 3,37                | Giỏi                     | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | Chưa thi | Chưa thi            | ĐẠT                            | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN |

Danh sách có: 107 học sinh.

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP  
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP ĐỢT 4 - NĂM 2023- NHÓM NGÀNH KINH TẾ - CÔNG NGHỆ

(Có bất kì thắc mắc vui lòng điền đầy đủ thông tin qua đường link bên dưới.  
Bộ phận phụ trách sẽ giải quyết phản hồi các trường hợp thắc mắc. Xin cảm ơn!)

| STT | Mã số học sinh | Họ và tên              | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh        | Mã lớp   | Ngành học            | Niên khóa | Điểm tốt nghiệp |              | Xếp loại tốt nghiệp | ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP | Tiếng anh | Tin học  | CDR Ngành/ Ngắn hạn | ĐIỀU KIỆN NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP |
|-----|----------------|------------------------|------------|-----------|-----------------|----------|----------------------|-----------|-----------------|--------------|---------------------|--------------------------|-----------|----------|---------------------|--------------------------------|
|     |                |                        |            |           |                 |          |                      |           | Thang điểm 10   | Thang điểm 4 |                     |                          |           |          |                     |                                |
| 1   | 2213240043     | Nguyễn Ngọc Diệu       | 12/06/2000 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02KT14A1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 7,2             | 2,78         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | KHÔNG ĐẠT | ĐẠT      | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 2   | 2213240001     | Phan Thị Xuân Đoan     | 21/09/1997 | Nữ        | Khánh Hòa       | 02KT14A1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 8,8             | 3,72         | Xuất sắc            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 3   | 2203360251     | Vũ Ngọc Hân            | 02/05/2005 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02KT13C1 | Kế toán doanh nghiệp | 2020-2023 | 7,7             | 3,06         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 4   | 1213360080     | Nguyễn Ngọc Hân        | 20/11/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01KT14C1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 6,6             | 2,36         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 5   | 1213360032     | Trần Phương Hằng       | 19/01/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01KT14C1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 6,5             | 2,45         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 6   | 2193240354     | Nguyễn Thuý Hạnh       | 25/03/1999 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02KT13A1 | Kế toán doanh nghiệp | 2020-2022 | 8,0             | 3,30         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 7   | 2213360362     | Lê Thị Thanh Hoa       | 03/01/2001 | Nữ        | Ninh Thuận      | 02KT14C1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 7,4             | 2,89         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 8   | 1203360160     | Lê Thị Cẩm Ly          | 19/07/2005 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01KT13C1 | Kế toán doanh nghiệp | 2020-2023 | 6,6             | 2,51         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | Chưa thi  | Chưa thi | Miễn                | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 9   | 2213360158     | Bùi Ngọc Thiên Lý      | 27/08/2006 | Nữ        | Tiền Giang      | 02KT14C1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 7,5             | 3,04         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 10  | 1213360143     | Đặng Xuân Mai          | 28/7/2005  | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01KT14C1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 7,8             | 3,14         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 11  | 2213360164     | Đỗ Nguyễn Thủy Nga     | 22/07/2000 | Nữ        | Tiền Giang      | 02KT14D1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 8,2             | 3,39         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 12  | 1203360031     | Võ Ngọc Ngà            | 25/12/2005 | Nữ        | Bạc Liêu        | 01KT13C1 | Kế toán doanh nghiệp | 2020-2023 | 7,9             | 3,30         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | Chưa thi  | Chưa thi | Miễn                | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 13  | 2213240165     | Lê Thị Kim Ngân        | 28/08/1997 | Nữ        | Gia Lai         | 02KT14A1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 8,2             | 3,44         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | KHÔNG ĐẠT | ĐẠT      | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 14  | 1203360112     | Võ Lê Trọng Nghĩa      | 26/04/2005 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh | 01KT13C1 | Kế toán doanh nghiệp | 2020-2023 | 6,2             | 2,17         | Trung Bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 15  | 1203240061     | Trần Nguyễn Cẩm Nguyên | 14/10/2002 | Nữ        | Long An         | 01KT13A1 | Kế toán doanh nghiệp | 2020-2022 | 8,1             | 3,39         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 16  | 2213240101     | Lê Thiện Nhân          | 27/06/1995 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh | 02KT14B1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 7,7             | 3,13         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 17  | 1213240047     | Lâm Ngọc Yến Nhi       | 01/05/2003 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 01KT14A1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 7,8             | 3,20         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 18  | 2203360069     | Nguyễn Lê Quỳnh Như    | 23/01/2005 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02KT13C1 | Kế toán doanh nghiệp | 2020-2023 | 6,9             | 2,63         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 19  | 2203360038     | Thạch Thị Sô Phi Ni    | 07/04/2002 | Nữ        | Vĩnh Long       | 02KT13C1 | Kế toán doanh nghiệp | 2020-2023 | 7,6             | 3,07         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | KHÔNG ĐẠT | ĐẠT      | Miễn                | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |

| STT | Mã số học sinh | Họ và tên              | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh          | Mã lớp   | Ngành học            | Niên khóa | Điểm tốt nghiệp |              | Xếp loại tốt nghiệp | ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP | Tiếng anh | Tin học  | CDR Ngành/ Ngắn hạn | ĐIỀU KIỆN NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP |
|-----|----------------|------------------------|------------|-----------|-------------------|----------|----------------------|-----------|-----------------|--------------|---------------------|--------------------------|-----------|----------|---------------------|--------------------------------|
|     |                |                        |            |           |                   |          |                      |           | Thang điểm 10   | Thang điểm 4 |                     |                          |           |          |                     |                                |
| 20  | 1203360176     | Nguyễn Kim Oanh        | 22/07/2004 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh   | 01KT13C1 | Kế toán doanh nghiệp | 2020-2023 | 7,0             | 2,72         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | Chưa thi | Miễn                | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 21  | 2203360352     | Hồ Hữu Phú             | 22/05/1982 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh   | 02KT13D1 | Kế toán doanh nghiệp | 2020-2023 | 6,7             | 2,49         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 22  | 2203360166     | Trương Nhật Quang      | 09/03/2000 | Nam       | Bà Rịa - Vũng Tàu | 02KT13D1 | Kế toán doanh nghiệp | 2020-2023 | 7,3             | 2,91         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | Chưa thi | Miễn                | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 23  | 2203360311     | Lê Thị Kim Quỳnh       | 29/09/1996 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh   | 02KT14D1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 8,0             | 3,33         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 24  | 1213360019     | Nguyễn Thị Kim Thảo    | 04/04/1995 | Nữ        | Kiên Giang        | 01KT14C1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 9,1             | 3,83         | Xuất sắc            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 25  | 1213360070     | Nguyễn Thị Thu Trang   | 29/12/2006 | Nữ        | Tây Ninh          | 01KT14C1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 7,1             | 2,70         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 26  | 2213240200     | Nguyễn Quốc Trung      | 14/5/1982  | Nam       | Đồng Tháp         | 02KT14B1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 8,0             | 3,33         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 27  | 2213360284     | Hồ Huỳnh Phương Uyên   | 27/10/2005 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh   | 02KT14C1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 7,9             | 3,25         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | KHÔNG ĐẠT | ĐẠT      | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 28  | 2213360041     | Nguyễn Đặng Ái Vy      | 01/10/2001 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh   | 02KT14C1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 7,7             | 3,13         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 29  | 2213360023     | Tổng Thanh Vy          | 28/10/1999 | Nữ        | Trà Vinh          | 02KT14D1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 8,3             | 3,45         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 30  | 1213240053     | Trần Thị Phương Vy     | 23/12/1994 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh   | 02KT14E1 | Kế toán doanh nghiệp | 2021-2023 | 8,2             | 3,47         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | Chưa thi  | Chưa thi | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 31  | 1203360054     | Nguyễn Thị Ngọc Yến    | 19/08/2005 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh   | 01KT13C1 | Kế toán doanh nghiệp | 2020-2023 | 6,6             | 2,35         | Trung Bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 32  | 2213360180     | Mai Thành Công         | 30/03/2005 | Nam       | An Giang          | 02MK14C1 | Marketing            | 2021-2023 | 7,8             | 3,19         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 33  | 2203360063     | Đặng Huy Cường         | 16/09/2000 | Nam       | Quảng Ngãi        | 02MK13D1 | Marketing            | 2020-2023 | 8,4             | 3,54         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 34  | 2213360092     | Phan Thanh Duyên       | 01/01/2006 | Nữ        | Đắk Nông          | 02MK14C1 | Marketing            | 2021-2023 | 8,8             | 3,66         | Xuất sắc            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | Chưa thi | ĐẠT                 | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 35  | 2213360230     | Đào Huy Hoàng          | 14/07/2004 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh   | 02MK14C1 | Marketing            | 2021-2023 | 8,0             | 3,32         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 36  | 2203360143     | Nguyễn Thị Quỳnh Hương | 09/11/2003 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh   | 02MK13C1 | Marketing            | 2020-2023 | 7,4             | 2,96         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 37  | 2203360347     | Nguyễn Huỳnh Thúy Kiều | 08/12/2001 | Nữ        | Bình Định         | 02MK13C1 | Marketing            | 2020-2023 | 8,5             | 3,56         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 38  | 2203360062     | Trần Thụy Trúc Nhã     | 12/05/2004 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh   | 02MK13C1 | Marketing            | 2020-2023 | 7,6             | 3,06         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 39  | 2203360236     | Vương Tiên Nhi         | 31/08/2005 | Nữ        | Quảng Ngãi        | 02MK13C1 | Marketing            | 2020-2023 | 7,0             | 2,72         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 40  | 2203360208     | Phan Ngọc Phương Uyên  | 30/04/2005 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh   | 02MK13C1 | Marketing            | 2020-2023 | 7,1             | 2,80         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 41  | 2193360017     | Ngô Thị Như Ý          | 25/04/2001 | Nữ        | Hậu Giang         | 02MK12C1 | Marketing            | 2019-2022 | 7,10            | 2,73         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |

| STT | Mã số học sinh | Họ và tên         | Ngày sinh | Giới tính  | Nơi sinh | Mã lớp          | Ngành học | Niên khóa                   | Điểm tốt nghiệp |              | Xếp loại tốt nghiệp | ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP | Tiếng anh    | Tin học   | CDR Ngành/ Ngắn hạn | ĐIỀU KIỆN NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP |                    |
|-----|----------------|-------------------|-----------|------------|----------|-----------------|-----------|-----------------------------|-----------------|--------------|---------------------|--------------------------|--------------|-----------|---------------------|--------------------------------|--------------------|
|     |                |                   |           |            |          |                 |           |                             | Thang điểm 10   | Thang điểm 4 |                     |                          |              |           |                     |                                |                    |
| 42  | 2213360143     | Phan Vinh         | Đặng      | 27/02/2006 | Nam      | Lâm Đồng        | 02TM14C1  | Quản trị mạng máy tính      | 2021-2023       | 6,6          | 2,33                | Trung bình               | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | Chưa thi  | Miễn                | Chưa thi                       | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN |
| 43  | 1213360074     | Phạm Tấn          | Hưng      | 04/02/2006 | Nam      | Tp. Hồ Chí Minh | 01TM14C1  | Quản trị mạng máy tính      | 2021-2023       | 6,3          | 2,31                | Trung bình               | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | KHÔNG ĐẠT | Miễn                | Chưa thi                       | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN |
| 44  | 1833620086     | Vũ Anh            | Khoa      | 20/02/2003 | Nam      | Tp. Hồ Chí Minh | 02TM11C1  | Quản trị mạng máy tính      | 2018-2021       | 6,4          | 2,34                | Trung bình               | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT       | Miễn                | Miễn                           | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 45  | 1203360128     | Nguyễn Hoàng Anh  | Kiệt      | 22/10/2005 | Nam      | Tp. Hồ Chí Minh | 01TM13C1  | Quản trị mạng máy tính      | 2020-2023       | 6,8          | 2,64                | Khá                      | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | KHÔNG ĐẠT | Miễn                | Miễn                           | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN |
| 46  | 1213360150     | Nguyễn Hoàng      | Minh      | 04/09/2006 | Nam      | Tp. Hồ Chí Minh | 01TM14C1  | Quản trị mạng máy tính      | 2021-2023       | 6,7          | 2,58                | Khá                      | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT       | Miễn                | Chưa thi                       | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN |
| 47  | 2203360162     | Nguyễn Phạm Nhật  | Nam       | 29/01/2005 | Nam      | Tp. Hồ Chí Minh | 02TM13C1  | Quản trị mạng máy tính      | 2020-2023       | 6,4          | 2,32                | Trung bình               | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT       | Miễn                | Miễn                           | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 48  | 2203360025     | Phạm Văn          | Nam       | 29/10/2003 | Nam      | Bình Phước      | 02TM13D1  | Quản trị mạng máy tính      | 2020-2023       | 7,1          | 2,74                | Khá                      | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT       | Miễn                | Miễn                           | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 49  | 2203360207     | Phan Nguyễn Toàn  | Phúc      | 25/02/2005 | Nam      | Tp. Hồ Chí Minh | 02TM13C1  | Quản trị mạng máy tính      | 2020-2023       | 7,0          | 2,80                | Khá                      | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT       | Miễn                | Miễn                           | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 50  | 2203360196     | Nguyễn Hữu        | Phúc      | 09/04/2005 | Nam      | Tp. Hồ Chí Minh | 02TM13C1  | Quản trị mạng máy tính      | 2020-2023       | 6,3          | 2,26                | Trung bình               | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | KHÔNG ĐẠT | Miễn                | Miễn                           | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN |
| 51  | 2203360217     | Phan Minh         | Tài       | 06/08/2005 | Nam      | Tp. Hồ Chí Minh | 02TM13C1  | Quản trị mạng máy tính      | 2020-2023       | 7,3          | 2,93                | Khá                      | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT       | Miễn                | Miễn                           | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 52  | 1213360061     | Nguyễn Nhật Khánh | Trần      | 19/10/2006 | Nữ       | Bình Dương      | 01TM14C1  | Quản trị mạng máy tính      | 2021-2023       | 7,7          | 3,12                | Khá                      | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT       | Miễn                | Chưa thi                       | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN |
| 53  | 2203360308     | Nguyễn Hoàng Anh  | Tuấn      | 26/04/2005 | Nam      | Tp. Hồ Chí Minh | 02TM13C1  | Quản trị mạng máy tính      | 2020-2023       | 6,8          | 2,57                | Khá                      | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT       | Miễn                | Miễn                           | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 54  | 2213360125     | Son               | Chiến     | 09/09/2000 | Nam      | Sóc Trăng       | 02TW14C1  | Thiết kế và quản lý website | 2021-2023       | 8,1          | 3,35                | Giỏi                     | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT       | Miễn                | ĐẠT                            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 55  | 2203360102     | Nguyễn Minh       | Đặng      | 28/12/2005 | Nam      | Tp. Hồ Chí Minh | 02TW13C1  | Thiết kế và quản lý website | 2020-2023       | 6,7          | 2,52                | Khá                      | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT       | Miễn                | Miễn                           | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 56  | 2193360095     | Thân Hoàng Đình   | Nguyên    | 05/10/2004 | Nam      | Tp. Hồ Chí Minh | 02TW12C1  | Thiết kế và quản lý website | 2019-2022       | 6,60         | 2,38                | Trung bình               | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT       | Miễn                | Miễn                           | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 57  | 2203360147     | Nguyễn Thành      | Nguyên    | 14/05/2005 | Nam      | Vĩnh Phúc       | 02TW13C1  | Thiết kế và quản lý website | 2020-2023       | 7,3          | 2,83                | Khá                      | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT       | Miễn                | Miễn                           | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 58  | 2213360030     | Dương Thị Huỳnh   | Như       | 09/11/1999 | Nữ       | Cà Mau          | 02TW14C1  | Thiết kế và quản lý website | 2021-2023       | 7,5          | 2,97                | Khá                      | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT       | Miễn                | ĐẠT                            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 59  | 2203360221     | Nguyễn Đức Minh   | Quân      | 08/04/2005 | Nam      | Tp. Hồ Chí Minh | 02TW13C1  | Thiết kế và quản lý website | 2020-2023       | 7,1          | 2,75                | Khá                      | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT       | Miễn                | Miễn                           | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 60  | 2213360159     | Lý Thanh          | Son       | 29/12/2000 | Nam      | Tp. Hồ Chí Minh | 02TW14C1  | Thiết kế và quản lý website | 2021-2023       | 7,9          | 3,31                | Giỏi                     | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT       | Miễn                | ĐẠT                            | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 61  | 1203360134     | Lê Thị Thu        | Thảo      | 05/06/2004 | Nữ       | Cà Mau          | 01TW13C1  | Thiết kế và quản lý website | 2020-2023       | 7,2          | 2,79                | Khá                      | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | KHÔNG ĐẠT | Miễn                | Miễn                           | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN |
| 62  | 2203360157     | Huỳnh Thế         | Thiên     | 09/04/2004 | Nam      | Bình Định       | 02TW13C1  | Thiết kế và quản lý website | 2020-2023       | 8,0          | 3,29                | Giỏi                     | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐẠT       | Miễn                | Miễn                           | ĐỦ ĐIỀU KIỆN       |
| 63  | 2203360187     | Nguyễn Lê Minh    | Tuyền     | 25/08/2005 | Nữ       | Bến Tre         | 02TW13C1  | Thiết kế và quản lý website | 2020-2023       | 6,2          | 2,17                | Trung Bình               | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | KHÔNG ĐẠT | Miễn                | Miễn                           | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN |

| STT | Mã số học sinh | Họ và tên              | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh        | Mã lớp   | Ngành học                        | Niên khóa | Điểm tốt nghiệp |              | Xếp loại tốt nghiệp | ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP | Tiếng anh | Tin học  | CDR Ngành/ Ngắn hạn | ĐIỀU KIỆN NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP |
|-----|----------------|------------------------|------------|-----------|-----------------|----------|----------------------------------|-----------|-----------------|--------------|---------------------|--------------------------|-----------|----------|---------------------|--------------------------------|
|     |                |                        |            |           |                 |          |                                  |           | Thang điểm 10   | Thang điểm 4 |                     |                          |           |          |                     |                                |
| 64  | 2213360243     | Vô Thị Thanh Ngân      | 20/10/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02DH14C1 | Thiết kế đồ họa                  | 2021-2023 | 7,6             | 3,11         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | Miễn     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 65  | 2213360109     | Trương Ngọc Kim Ngân   | 27/11/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02DH14C1 | Thiết kế đồ họa                  | 2021-2023 | 7,4             | 2,93         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | Miễn     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 66  | 2213360288     | Nguyễn Ngọc Nhi        | 13/07/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02DH14C1 | Thiết kế đồ họa                  | 2021-2023 | 7,3             | 2,82         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | Miễn     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 67  | 2213360307     | Trần Thuận Trung       | 24/08/2006 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh | 02DH14C1 | Thiết kế đồ họa                  | 2021-2023 | 6,8             | 2,50         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | Miễn     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 68  | 2213360255     | Trương Minh Tuấn       | 15/02/2002 | Nam       | Bình Thuận      | 02DH14C1 | Thiết kế đồ họa                  | 2021-2023 | 7,2             | 2,80         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | Miễn     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 69  | 2213360213     | Võ Bảo Vy              | 19/04/2006 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02DH14C1 | Thiết kế đồ họa                  | 2021-2023 | 8,1             | 3,38         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | Miễn     | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 70  | 2213360226     | Huỳnh Nguyễn Minh Quân | 30/10/2005 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh | 02DN14C1 | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 2021-2023 | 7,2             | 2,87         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 71  | 2213360333     | Vũ Hồng Thành          | 10/11/1999 | Nam       | Thanh Hóa       | 02DN14D1 | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 2021-2023 | 8,3             | 3,48         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 72  | 2213240161     | Phi Văn Sang           | 27/02/2001 | Nam       | Long An         | 02DN14B1 | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 2021-2023 | 8,4             | 3,53         | Giỏi                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | ĐẠT                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 73  | 2203360355     | Nguyễn Ngọc Phương Anh | 11/10/2003 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02DL13C1 | Hướng dẫn du lịch                | 2020-2023 | 7,3             | 2,94         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | Chưa thi | Miễn                | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 74  | 2203360153     | Từ Trương Bảo Duy      | 26/08/2005 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh | 02DL13C1 | Hướng dẫn du lịch                | 2020-2023 | 7,2             | 2,73         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 75  | 2193360232     | Trần Ngọc Mỹ Duyên     | 26/03/2004 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02DL12C1 | Hướng dẫn du lịch                | 2019-2022 | 6,6             | 2,49         | Trung bình          | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | KHÔNG ĐẠT | ĐẠT      | Miễn                | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 76  | 2193360077     | Lê Trần Huỳnh Như      | 24/02/2004 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02DL12C1 | Hướng dẫn du lịch                | 2019-2022 | 7,2             | 2,88         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | KHÔNG ĐẠT | ĐẠT      | Miễn                | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |
| 77  | 2203360019     | Tiểu Xuân Trường       | 27/01/2004 | Nam       | Bến Tre         | 02DL13C1 | Hướng dẫn du lịch                | 2020-2023 | 7,6             | 3,12         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | ĐẠT      | Miễn                | ĐỦ ĐIỀU KIỆN                   |
| 78  | 1203360059     | Thái Gia Tuệ           | 24/11/2005 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh | 02DL13C1 | Hướng dẫn du lịch                | 2020-2023 | 6,9             | 2,64         | Khá                 | ĐỦ ĐIỀU KIỆN             | ĐẠT       | Chưa thi | Miễn                | KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN             |

Danh sách có: 78 học sinh.